

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2009/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2009

THÔNG TƯ

**về việc ban hành và thực hiện “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn
đối với thiết bị điện và điện tử”**

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Kể từ ngày 01/6/2010, các thiết bị điện và điện tử từ số 1 đến số 6 quy định tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử chỉ được lưu thông trên thị trường sau khi đã được chứng nhận

hợp quy, gắn dấu hợp quy và đăng ký hồ sơ chất lượng theo quy định.

Điều 4. Kể từ ngày 01/01/2011, các thiết bị điện và điện tử từ số 7 đến số 13 quy định tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử chỉ được lưu thông trên thị trường sau khi đã được chứng nhận hợp quy, gắn dấu hợp quy và đăng ký hồ sơ chất lượng theo quy định.

Điều 5. Tổng Cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 4: 2009/BKHCN

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ**

*National technical regulation on
safety for electrical and electronic appliances*

Lời nói đầu

QCVN 4: 2009/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUY CHUẨN

kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử

National technical regulation on
safety for electrical and electronic appliances

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu về an toàn và yêu cầu về quản lý đối với các thiết bị điện và điện tử được quy định trong Danh mục tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật này. Danh mục này có thể được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) sản xuất, nhập khẩu, phân phối và bán lẻ các thiết bị điện, điện tử quy định tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật này, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Thiết bị điện và điện tử là các thiết bị được nối trực tiếp hoặc qua ổ cắm đến nguồn điện hạ áp, sử dụng trong gia đình, trong thương mại và ở những nơi có mục đích sử dụng tương tự (không

bao gồm các thiết bị y tế và các thiết bị viễn thông).

1.3.2. Nguồn điện hạ áp là nguồn điện áp từ 50V đến 1000V xoay chiều và điện áp từ 75V đến 1500V một chiều.

2. Yêu cầu về an toàn

Các thiết bị điện và điện tử quy định trong tại Phụ lục của Quy chuẩn kỹ thuật này phải bảo đảm an toàn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng như sau:

2.1. Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-35:2007 (IEC 60335-2-35:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-35: Yêu cầu cụ thể đối với bình đun nước nóng nhanh.

2.2. Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-21:2007 (IEC 60335-2-21:2004) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-21: Yêu cầu cụ thể đối với bình đun nước nóng có dự trữ.

2.3. Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu khác phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-23:2007 (IEC 60335-2-23:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết

bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-23: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc.

2.4. Ấm đun nước phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-15:2007 (IEC 60335-2-15:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng.

2.5. Nồi cơm điện phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-15:2007 (IEC 60335-2-15:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng.

2.6. Quạt điện phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-80: Yêu cầu cụ thể đối với quạt điện.

2.7. Bàn là điện phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-3:2006 (IEC 60335-2-3:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể đối với bàn là điện.

2.8. Lò vi sóng phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-25:2007 (IEC 60335-2-25:2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-25: Yêu cầu cụ thể đối với lò vi sóng, lò vi sóng kết hợp.

2.9. Lò nướng điện, vỉ nướng điện (loại di động) phải phù hợp với quy định

tại TCVN 5699-2-9:2004 (IEC 60335-2-9:2002, Adm.1:2004) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-9: Yêu cầu cụ thể đối với lò nướng, lò nướng bánh mì và các thiết bị di động tương tự dùng cho nấu ăn.

2.10. Dây điện bọc nhựa PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750V phải phù hợp với quy định tại TCVN 6610-1: 2007 (IEC 60227-1: 1998) Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V. Phần 1: Yêu cầu chung, TCVN 6610-3: 2000 (IEC 60227-3: 1997) Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V. Phần 3: Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định, TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1992, Adm.1:1997) Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V. Phần 4: Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định, TCVN 6610-5:2007 (IEC 60227-5: 2003) Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V. Phần 5: Cáp (dây) mềm.

2.11. Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-74: 2005 (IEC 60335-2-74: 2002) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-74: Yêu cầu cụ thể đối với que đun điện.

2.12. Dụng cụ pha chè hoặc cà phê phải phù hợp với quy định tại TCVN

5699-2-15: 2007 (IEC 60335-2-15: 2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng.

2.13. Máy sấy khô tay phải phù hợp với quy định tại TCVN 5699-2-23: 2007 (IEC 60335-2-23: 2005) Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự. An toàn. Phần 2-23: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị để chăm sóc da hoặc tóc.

3. Yêu cầu về quản lý

3.1. Điều kiện lưu thông trên thị trường

Các thiết bị điện và điện tử khi lưu thông trên thị trường phải có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; phải được chứng nhận hợp quy, mang dấu hợp quy (dấu CR) theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này và chịu sự kiểm tra trên thị trường của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra).

3.2. Chứng nhận hợp quy đối với thiết bị điện và điện tử

3.2.1. Thiết bị điện và điện tử phải được đánh giá, chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 “thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất, giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” được quy định trong Phụ lục II của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp

quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Giấy chứng nhận hợp quy khi đánh giá theo phương thức 5 có giá trị hiệu lực không quá ba (3) năm.

3.2.2. Trường hợp thiết bị điện và điện tử nhập khẩu theo lô hàng chưa được đánh giá chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 quy định tại mục 3.2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này phải được đánh giá chứng nhận hợp quy theo phương thức 7 “thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa” được quy định trong Phụ lục II của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Giấy chứng nhận hợp quy khi đánh giá theo phương thức 7 chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu.

3.3. Tổ chức chứng nhận hợp quy

Việc chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận thực hiện.

Việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy thiết bị điện và điện tử được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2009/

TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp.

3.4. Sử dụng dấu hợp quy

Dấu hợp quy và việc sử dụng dấu hợp quy phải tuân thủ theo khoản 2 Điều 4 của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.5. Đăng ký

3.5.1. Doanh nghiệp sản xuất các thiết bị điện và điện tử sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.5.2. Doanh nghiệp nhập khẩu các thiết bị điện và điện tử sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký kiểm tra chất lượng tại cơ quan kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

3.5.3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Bản đăng ký công bố hợp quy (đối với thiết bị điện và điện tử sản xuất trong nước) theo mẫu quy định tại Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc bản đăng ký kiểm tra chất lượng (đối với thiết bị điện và điện tử nhập khẩu) theo mẫu quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bản mô tả sản phẩm (tên gọi, tính năng công dụng, các thông số kỹ thuật cơ bản, danh mục hoặc hóa đơn các nguyên liệu, linh kiện chính...);

- Ảnh mẫu tổng thể phía ngoài, bao gồm các ảnh về: toàn cảnh, mặt trước, mặt trên và mặt bên, phích cắm điện (nếu có); nhãn hiệu hàng hóa (nếu có), nhãn hàng hóa (có các thông số kỹ thuật cơ bản;

- Hướng dẫn sử dụng;

- Bản sao giấy chứng nhận hợp quy;

- Thông báo về những thay đổi liên quan đến thiết kế, nguyên vật liệu, công nghệ chế tạo (nếu có) so với hồ sơ đã đăng ký.

3.5.4. Doanh nghiệp phải lưu trữ hồ sơ đăng ký quy định tại 3.5.3 ít nhất mười (10) năm kể từ ngày sản phẩm cuối cùng được xuất xưởng hoặc nhập khẩu.

3.5.5. Tổ chức chứng nhận hợp quy phải lưu trữ hồ sơ chứng nhận ít nhất sáu (6) năm kể từ ngày hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

4.1. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra

Cơ quan kiểm tra chịu trách nhiệm theo quy định tại Chương IV, Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.

4.2. Trách nhiệm của tổ chức chứng nhận hợp quy

Tổ chức chứng nhận hợp quy phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thiết bị điện và điện tử

phải bảo đảm chất lượng theo quy định có liên quan của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu phải bảo đảm an toàn theo yêu cầu quy định tại Mục 2, thực hiện quy định tại Mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, văn bản được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

5.3. Trong trường hợp Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương thì thực hiện theo quy định tại các hiệp định đó./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ PHẢI BẢO ĐẢM YÊU CẦU
VỀ AN TOÀN THEO QCVN 4: 2009/BKHCN

STT	Tên thiết bị điện và điện tử
1	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời
2	Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng
3	Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu khác
4	Ấm đun nước
5	Nồi cơm điện
6	Quạt điện
7	Bàn là điện
8	Lò vi sóng
9	Lò nướng điện, vỉ nướng điện (loại di động)
10	Dây điện bọc nhựa PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750V
11	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng
12	Dụng cụ pha chè hoặc cà phê
13	Máy sấy khô tay